

|            |           |         |         |
|------------|-----------|---------|---------|
| Ngày       | 9,930 VNĐ |         |         |
| 30/09/2024 |           |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng   | 3 tháng | 6 tháng |
|            | -8.5%     | -8.1%   | 20.7%   |

|       |       |                   |
|-------|-------|-------------------|
| Q3/24 |       |                   |
| ROE   | 10.0% | +/- YoY<br>▲ 3.3% |

|          |        |                          |
|----------|--------|--------------------------|
| Q3/24    |        |                          |
| DT thuần | 227    | QoQ<br>▲ 33.0<br>▲ 17.0% |
|          | tỷ VNĐ | YoY<br>▲ 49.0<br>▲ 27.6% |

|          |     |                          |
|----------|-----|--------------------------|
| 9T 2024  |     |                          |
| DT thuần | 565 | YoY<br>▲ 63.0<br>▲ 12.6% |

|        |        |                          |
|--------|--------|--------------------------|
| Q3/24  |        |                          |
| LN gộp | 142    | QoQ<br>▲ 31.0<br>▲ 28.3% |
|        | tỷ VNĐ | YoY<br>▲ 43.6<br>▲ 44.8% |

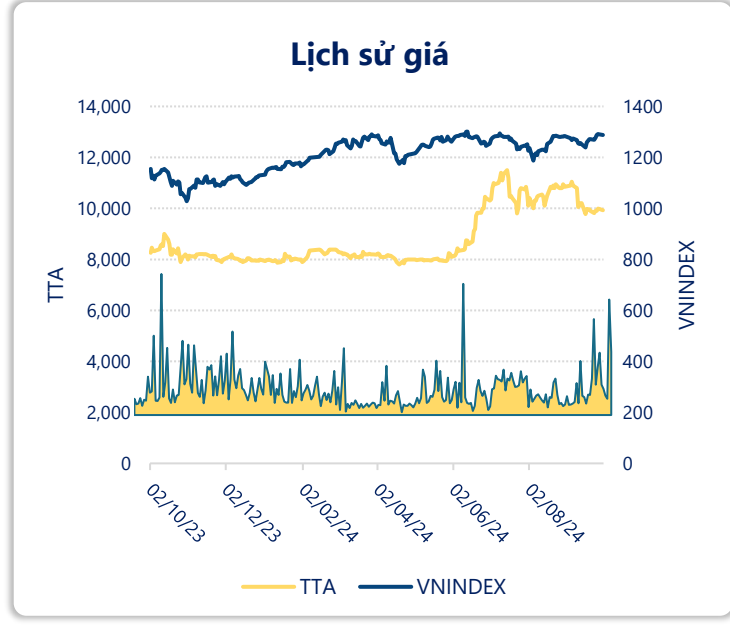
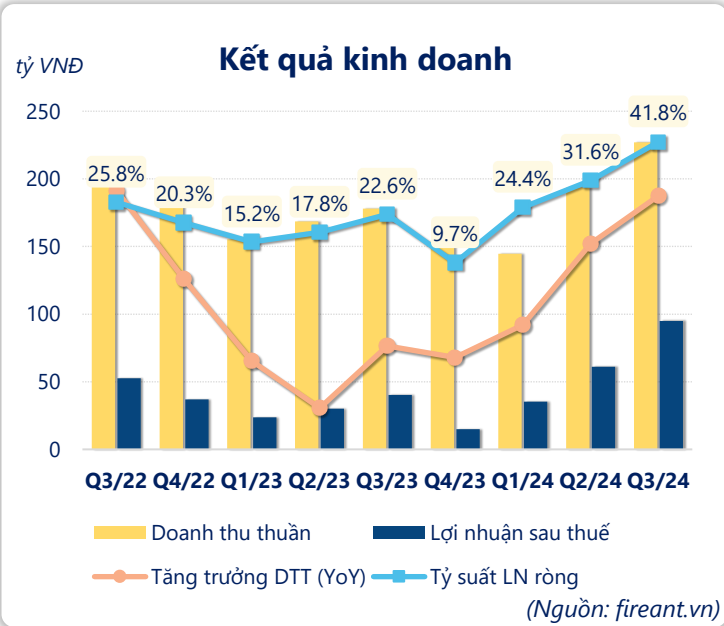
|         |     |                          |
|---------|-----|--------------------------|
| 9T 2024 |     |                          |
| LN gộp  | 335 | YoY<br>▲ 46.0<br>▲ 15.7% |

|          |        |                          |
|----------|--------|--------------------------|
| Q3/24    |        |                          |
| LN thuần | 100    | QoQ<br>▲ 32.2<br>▲ 47.5% |
|          | tỷ VNĐ | YoY<br>▲ 56.4<br>▲ 129%  |

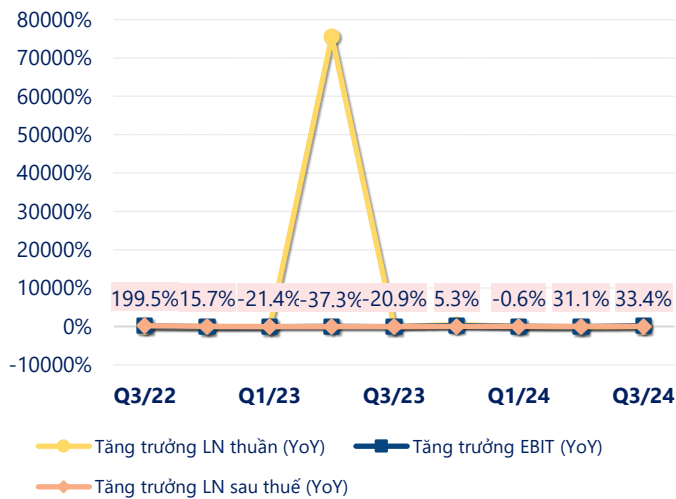
|          |     |                          |
|----------|-----|--------------------------|
| 9T 2024  |     |                          |
| LN thuần | 207 | YoY<br>▲ 97.0<br>▲ 88.2% |

|             |        |                          |
|-------------|--------|--------------------------|
| Q3/24       |        |                          |
| LN sau thuế | 95.0   | QoQ<br>▲ 33.8<br>▲ 55.2% |
|             | tỷ VNĐ | YoY<br>▲ 54.8<br>▲ 136%  |

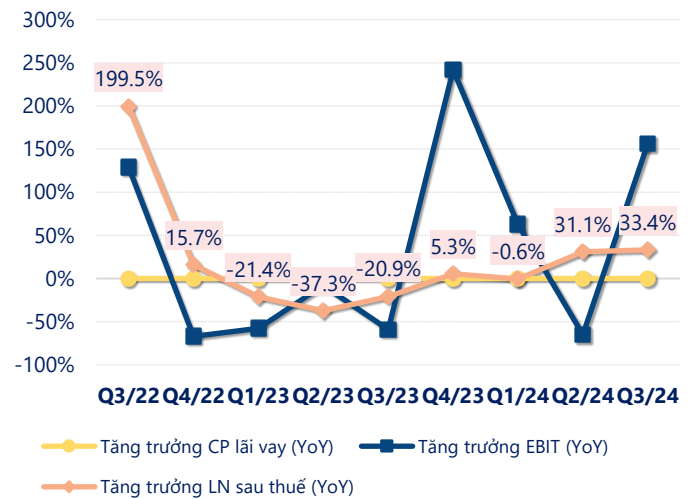
|             |     |                         |
|-------------|-----|-------------------------|
| 9T 2024     |     |                         |
| LN sau thuế | 192 | YoY<br>▲ 98.3<br>▲ 104% |



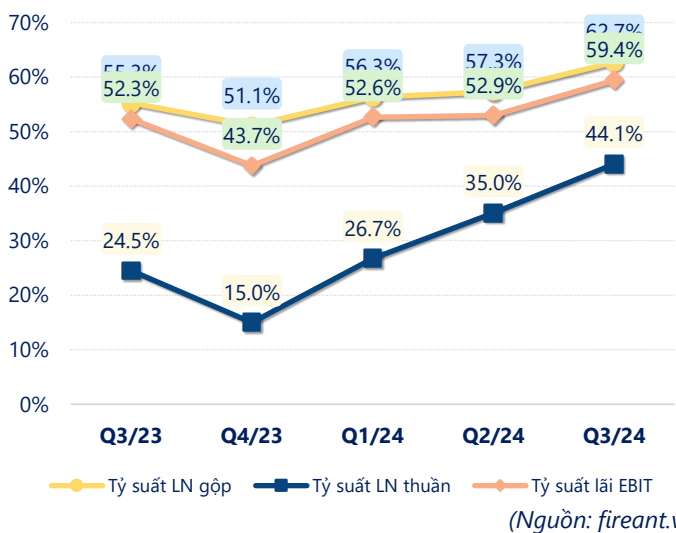
### Tăng trưởng lợi nhuận



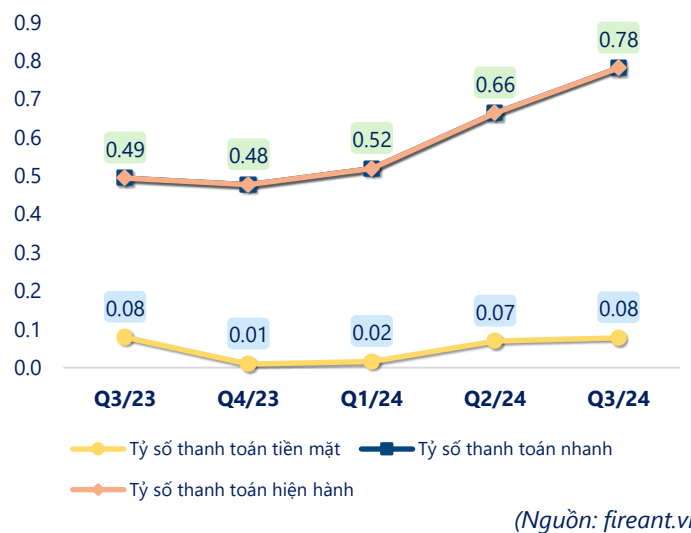
### Tăng trưởng chi phí



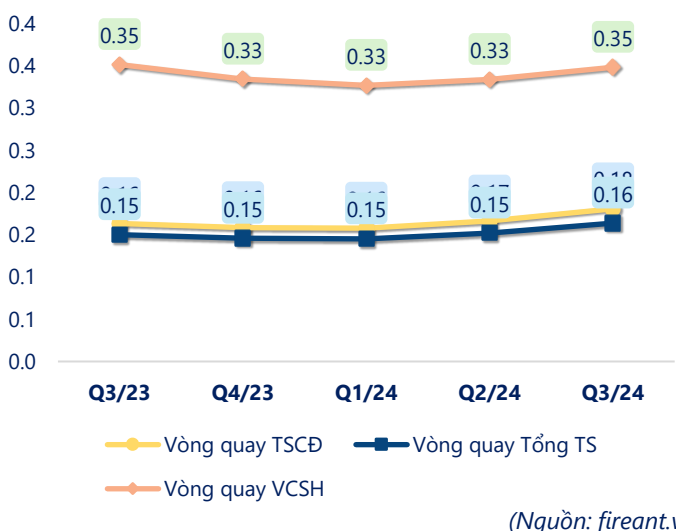
### Tỷ suất lợi nhuận



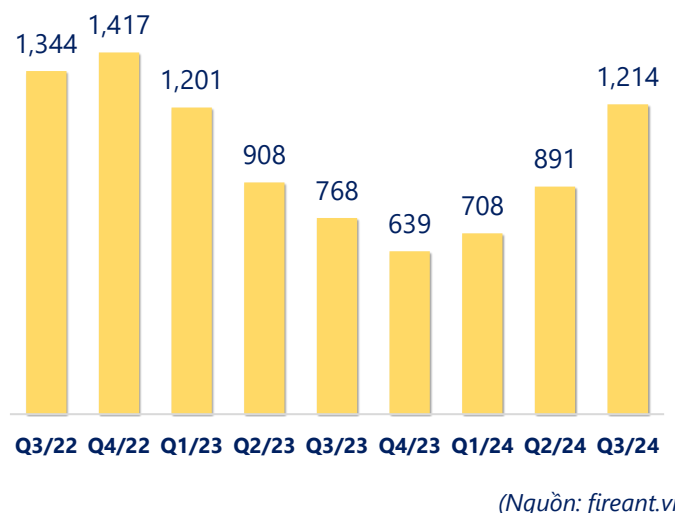
### Chỉ số thanh khoản



### Vòng quay tài sản



### EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH    | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi YoY |
|-----------------------|-------|-------|--------------|---------|---------|--------------|
| (tỷ VNĐ)              |       |       |              |         |         |              |
| Doanh thu thuần       | 227   | 178   | 27.6%        | 565     | 502     | 12.6%        |
| Giá vốn hàng bán      | 84.6  | 79.6  | 6.3%         | 230     | 213     | 8.4%         |
| Lợi nhuận gộp         | 142   | 98.4  | 44.8%        | 335     | 289     | 15.7%        |
| Doanh thu HĐTC        | 0.02  | 0.05  | -66.2%       | 0.03    | 0.06    | -58.0%       |
| Chi phí TC            | 35.9  | 50.0  | -28.2%       | 111     | 166     | -33.3%       |
| Chi phí lãi vay       | 35.9  | 50.0  | -28.2%       | 111     | 163     | -31.8%       |
| LN trong công ty LKLD | 0     | 0.00  |              | 0       | 0       |              |
| Chi phí bán hàng      | 0     | 0.00  |              | 0       | 0       |              |
| Chi phí QLDN          | 6.51  | 4.86  | 34.0%        | 17.5    | 13.4    | 30.6%        |
| LN thuần từ HĐKD      | 100   | 43.6  | 129%         | 207     | 110     | 88.2%        |
| Lợi nhuận khác        | -1.06 | -0.42 | -152%        | -3.96   | -6.95   | 43.1%        |
| LN trước thuế         | 99.0  | 43.2  | 129%         | 203     | 103     | 97.1%        |
| Lợi nhuận sau thuế    | 95.0  | 40.2  | 136%         | 192     | 93.7    | 104%         |
| LNST của CĐ cty mẹ    | 95.0  | 40.2  | 136%         | 192     | 93.7    | 104%         |

(Nguồn: fireant.vn)

